



HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

**MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG QUẢN
TRỊ CÔNG VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH:
NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH LONG AN**

Nhóm nghiên cứu:

TS. Lê Văn Chiến

TS. Bùi Phương Đình

TS. Lương Thu Hiền

TS. Hà Việt Hùng

TS. Đặng Ánh Tuyết

Nghiên cứu này có sử dụng kết quả nghiên cứu “Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2010. Thông tin chi tiết tại www.papi.vn.

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ (SDC) đã tài trợ cho nghiên cứu này!

HÀ NỘI - 2012

Nội dung

1. Giới thiệu	3
Mục tiêu và mục đích nghiên cứu	4
Câu hỏi nghiên cứu	4
Phương pháp nghiên cứu	5
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội tỉnh Long An	6
3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả công tác quản trị và hành chính công	14
Nội dung thứ nhất: Tính công khai minh bạch (qua lựa chọn danh sách hộ nghèo)	14
Nội dung thứ hai: Chất lượng dịch vụ y tế	18
Nội dung thứ ba: Hiệu quả cung ứng thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng.	21
Nội dung thứ tư: thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở.....	24
4. Một số kết quả nghiên cứu	26
5. Một số kiến nghị	28
Tài liệu tham khảo	30

Bài viết nghiên cứu này do một nhóm chuyên gia về nghiên cứu chính sách của Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện. Các nhận định, đánh giá đưa ra trong báo cáo là của nhóm tác giả, không phải của một cơ quan hay tổ chức chính thức nào. Các thông tin chỉ có ý nghĩa tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị nhà nước và chính sách công.

1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, ở Việt Nam đã có một số nghiên cứu tiến hành điều tra về chất lượng quản trị công cấp tỉnh. Bắt đầu từ năm 2005, Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam, dựa trên điều tra hơn 7000 doanh nghiệp trong cả nước đưa ra chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Sau đó, từ năm 2009, tổ chức phát triển liên hiệp quốc UNDP phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Trung tâm nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng đã tiến hành nghiên cứu chất lượng quản trị công cấp tỉnh trên cơ sở điều tra ý kiến đánh giá của người dân về chất lượng dịch vụ công và thủ tục hành chính do các cấp chính quyền cung cấp (PAPI). Những nghiên cứu này đã thu hút được sự quan tâm rộng rãi bởi nó đã cho phép người dân và doanh nhân đưa ra ý kiến đánh giá của họ về những thành tựu cũng như hạn chế trong hoạt động của các cấp chính quyền tỉnh, huyện và xã. Đồng thời đây còn là nguồn số liệu, thông tin rất quý giá cho các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu và cho quá trình hoạch định chính sách ở Việt Nam. Ví dụ, nghiên cứu PAPI năm 2010 đã cung cấp rất nhiều thông tin quý giá về đánh giá của người dân về chất lượng dịch vụ công, tính công khai minh bạch và tình hình tham nhũng của các cấp chính quyền địa phương.

Trong khi các nghiên cứu này đã cung cấp khá đầy đủ, chi tiết về đánh giá của người dân và doanh nghiệp về chất lượng hoạt động của chính quyền các cấp thì vẫn còn rất ít nghiên cứu về những yếu tố ảnh hưởng hay những yếu tố “đầu vào” của những hoạt động này. Nói cách khác, các nghiên cứu về những khó khăn thuận lợi mà các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã phải đối mặt hàng ngày có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến chất lượng quản trị công còn khá ít. Ví dụ, ở các cấp quản lý huyện và xã, việc cán bộ thiếu kỹ năng lãnh đạo hoặc học vấn thấp có thể là nguyên nhân dẫn đến chất lượng quản trị công không cao. Trong một số trường hợp, các văn bản pháp quy không rõ ràng có thể gây ra một số thủ tục hành chính rườm rà không cần thiết. Nhằm giải quyết vấn đề này, từ năm 2001, Việt Nam đã tiến hành cải cách, đơn giản hóa, giảm bớt thủ tục hành chính và Chương trình cải cách này có lẽ còn phải tiếp tục thực hiện trong vài thập kỷ tới tại Việt Nam. Tuy vậy, theo đánh giá của nhiều cán bộ địa phương ở các tỉnh, vẫn còn nhiều rào cản cần được tháo gỡ nhằm phục vụ người dân tốt hơn nữa như khó khăn về nguồn nhân lực có chất lượng, nguồn tài chính... Vì vậy, một nghiên cứu để làm rõ mối quan hệ giữa “đầu vào” và “đầu ra” của quản trị công cấp tỉnh, nhằm đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng quản trị công vẫn là một đòi hỏi thực tiễn hiện nay.

Mục tiêu và mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm đánh giá kết quả hoạt động của chính quyền các cấp từ góc độ của đơn vị cung ứng dịch vụ (đánh giá từ phía cung). Đây là nghiên cứu bổ sung cho PAPI (công trình đã đánh giá kết quả hoạt động của chính quyền các cấp từ góc độ của người dân sử dụng dịch vụ hay đánh giá từ phía cầu).

Trong khi PAPI là công trình nghiên cứu đánh giá chất lượng của quản trị và hành chính công cấp tỉnh thông qua việc nghiên cứu ý kiến của người dân về 6 nội dung lớn: (i) Sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở; (ii) Tính công khai minh bạch; (iii) Trách nhiệm giải trình với người dân; (iv) Kiểm soát tham nhũng; (v) Thủ tục hành chính; và (vi) Cung cấp dịch vụ công, nghiên cứu này hướng tới việc tìm kiếm những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh hay những thuận lợi, khó khăn mà đội ngũ cán bộ công chức ở các cấp chính quyền tỉnh, huyện, xã phải đối mặt hàng ngày khi thực thi công việc của họ thông qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Long An. Kết quả của nghiên cứu này sẽ là lời giải thích cho những kết quả của PAPI 2010.

Từ việc nghiên cứu thực tế, chúng tôi mong muốn sẽ đưa ra một số gợi ý chính sách để giúp nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân của chính quyền các cấp.

Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm trả lời một câu hỏi chung là: Những nhân tố nào có ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công của Long An?

Để trả lời được câu hỏi lớn này, nghiên cứu sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi cụ thể sau đây:

- (i) Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của Tỉnh có ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị công?
- (ii) Đội ngũ cán bộ (số lượng và chất lượng) ở các cấp chính quyền ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị của Long An?
- (iii) Nguồn lực tài chính dành cho các cấp chính quyền có ảnh hưởng gì đến chất lượng quản trị công của Tỉnh?
- (iv) Chính sách hoặc chương trình nào giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình? Cam kết chính trị của lãnh đạo Tỉnh có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng quản trị công ở Tỉnh?

Tuy nhiên, do điều kiện hạn chế về thời gian và nguồn lực, chúng tôi chỉ giới hạn nghiên cứu của mình trong phạm vi nghiên cứu những nhân tố kể trên ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện công khai minh bạch khi lập danh sách hộ nghèo; việc thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ

sở thông qua việc bầu trưởng thôn; chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh; và thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng.

Phương pháp nghiên cứu

Để trả lời những câu hỏi nghiên cứu này chúng tôi sẽ lựa chọn nghiên cứu tỉnh Long An có so sánh với Tiền Giang. Lý do là vì cả Long An và Tiền Giang đều nằm trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có điều kiện tự nhiên khá giống nhau nhưng kết quả nghiên cứu PAPI cho thấy từng mặt của quản trị công ở hai tỉnh là rất khác nhau. Qua so sánh có thể cho thấy rõ hơn những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của các cấp chính quyền.

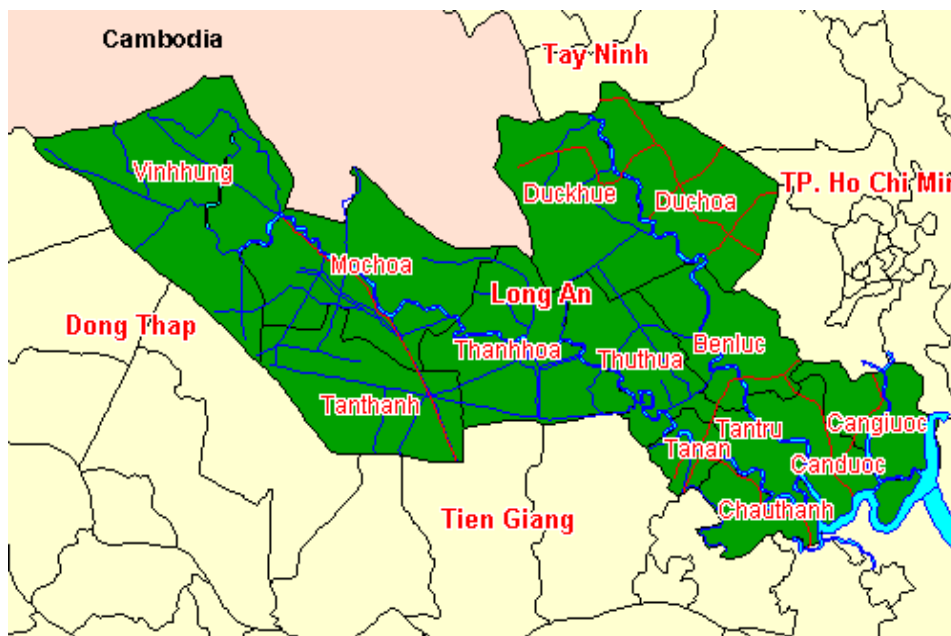
Ở mỗi tỉnh, ngoài việc tọa đàm, phỏng vấn cán bộ cấp tỉnh, chúng tôi chọn nghiên cứu một thành phố là thủ phủ của tỉnh và một huyện. Ở mỗi thành phố/huyện chúng tôi còn chọn một phường/xã để nghiên cứu.

Cụ thể, tại Long An chúng tôi đã có các cuộc tọa đàm, phỏng vấn cán bộ thuộc các cơ quan sau:

- Tỉnh Ủy tỉnh Long An
- Hội đồng nhân dân Tỉnh,
- Văn phòng UBND Tỉnh,
- Sở y tế,
- Sở lao động thương binh xã hội,
- Sở xây dựng,
- Sở tài chính.
- Văn phòng UBND thành phố Tân An (với sự tham gia của lãnh đạo Huyện ủy và UBND Huyện, Phòng y tế, Phòng LĐ TBXH, Phòng tài chính, Phòng kinh tế hạ tầng...)
- Trung tâm y tế thành phố Tân An (bao gồm Trung tâm y tế dự phòng và Bệnh viện TP Tân An)
- Văn phòng UBND huyện Thạnh Hóa (với sự tham gia của lãnh đạo Huyện ủy và UBND Huyện, Phòng y tế, Phòng LĐ TBXH, Phòng tài chính, Phòng kinh tế hạ tầng...)
- Trung tâm y tế huyện Thạnh Hóa (bao gồm Trung tâm y tế dự phòng và Bệnh viện huyện Thạnh Hóa)
- Đảng ủy, UBND Phường 2 (TP Tân An) với sự tham gia của các phòng tài chính, y tế, LĐTBXH, dân vận, MTTQ...
- Đảng ủy, UBND thị trấn Thạnh Hóa (huyện Thạnh Hóa) với sự tham gia của các phòng tài chính, y tế, LĐTBXH, dân vận, MTTQ...

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội tỉnh Long An

Phần này chúng tôi mô tả một số điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của Long An như những yếu tố đầu vào tiềm năng giúp chính quyền các cấp của Tỉnh thực hiện nhiệm vụ của mình.



Về vị trí địa lý, Tỉnh Long An nằm trong Vùng Đồng Tháp Mười, thuộc Đồng bằng Sông Cửu Long. Long An tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh về phía Đông, giáp với Vương Quốc Campuchia về phía Bắc, giáp với tỉnh Đồng Tháp về phía Tây và giáp tỉnh Tiền Giang về phía Nam. Long An cũng là tỉnh thuộc Vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam (VPTKTTĐPN), được xác định là vùng kinh tế động lực có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam; có đường biên giới quốc gia với Campuchia dài 137,7 km, với hai cửa khẩu Bình Hiệp (Mộc Hóa) và Tho Mo (Đức Huệ).

Đến cuối năm 2004 tổng số km đường bộ trên địa bàn tỉnh là 1.698 km, trong đó đường nhựa 474 km chiếm tỉ trọng 27,9%, đường cấp phối 1053 km (62%), đường loại khác 171 km (10,1%) (không tính đường nông thôn).

Mật độ đường theo diện tích tăng từ 0,198 km/km² năm 1991 tăng lên 0,285 km/km² năm 2000 và 0,359 km/km² năm 2004.

Hiện nay hầu hết các tuyến giao thông chính từ tỉnh xuống huyện và các tuyến vào các khu công nghiệp hệ thống cầu và đường đã được xây dựng đồng bộ về tải trọng. Tuy nhiên vẫn còn một số tuyến có các cầu tải trọng thấp, làm hạn chế rất nhiều trong việc khai thác vận chuyển hàng hóa.

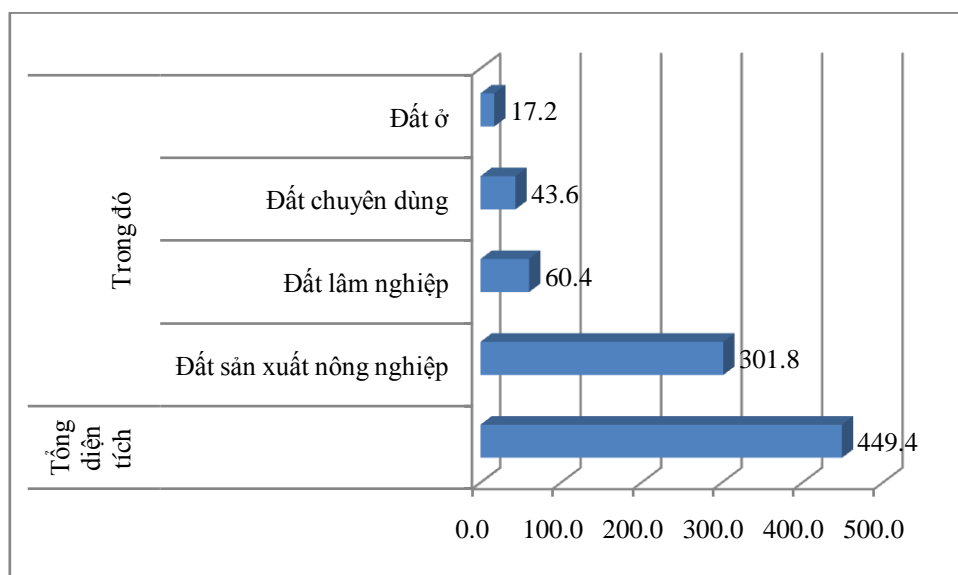
Toàn Tỉnh đã có 156 trên tổng số 188 xã có đường ô tô đến trung tâm (chiếm 83%), còn 32 xã thuộc 7 huyện chưa có đường ô tô đến trung tâm.

Bên cạnh giao thông đường bộ, mạng lưới giao thông thủy có chiều dài khoảng 2.559 km. Mật độ đường thủy theo diện tích là 0,59 km/km² và theo dân số là 1,8 km/vạn dân với các tuyến đường thủy chính là Sông Vàm Cỏ, Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, Sông Rạch Cát

Đến cuối năm 2004 trên phạm vi toàn tỉnh có 100% xã (188/188) có điện lưới quốc gia về đến trung tâm và có 92,7% hộ dân cư có điện thấp sáng.

Diện tích tự nhiên của toàn tỉnh là 4.491,421 km², chiếm tỷ lệ 1,3 % so với diện tích cả nước và bằng 8,74 % diện tích của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp chiếm 301,8 ngàn ha, chiếm 67% đất tự nhiên; đất lâm nghiệp là 60,4 ngàn ha, chiếm 13,4%; đất chuyên dùng là 43,6 ngàn ha, chiếm 9,7%; phần đất ở là 17,2 ngàn ha, chiếm 3,8% (xem Hình 1).

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất ở Long An (Nghìn ha)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Về dân số và đội ngũ cán bộ: Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê, dân số năm 2010 của Long An là trên 1,4 triệu người. Trong đó, dân số sống ở nông thôn chiếm 82,5%, thành thị là

17,5%. Điều này cho thấy trình độ phát triển của Long An vẫn ở mức thấp so với trung bình cả nước nhưng cao hơn Tiền Giang. Dân số của Long An hiện nay chiếm khoảng 10% dân số Vùng đồng bằng sông Cửu Long, 2% dân số cả nước.

Mật độ dân số là 321 người/km², thấp hơn mật độ dân số trung bình của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (426 người/km²), cao gấp 1,2 lần mật độ dân số trung bình trong cả nước (263 người/km²), chỉ bằng một nửa mật độ dân số của Tiền Giang.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, lực lượng lao động (dân số trong độ tuổi từ 15 trở lên) của tỉnh năm 2010 đạt khoảng 854 ngàn người, chiếm 59,1% dân số. Theo báo cáo của Tỉnh thì con số này còn cao hơn, cụ thể là 930,5 ngàn người, chiếm 64,24% dân số nằm trong độ tuổi lao động. Dù con số nào thì có thể nói đây là một tỷ lệ khá lý tưởng cho việc phát triển kinh tế của Tỉnh.

Tốc độ tăng dân số của Tỉnh trong những năm gần đây là dưới 1%, thấp hơn mức tăng trung bình của cả nước.

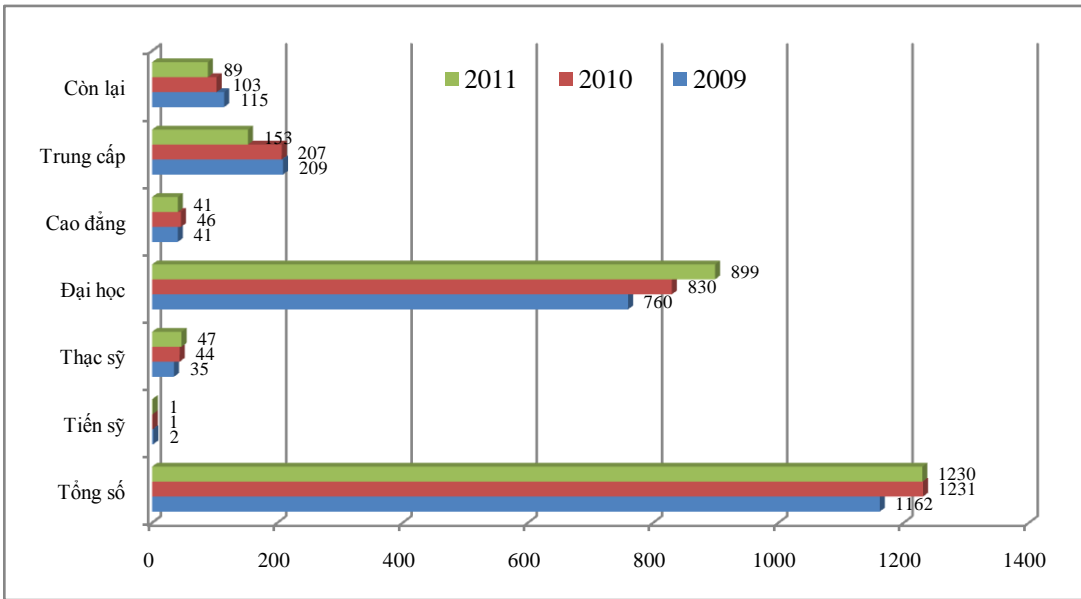
Bảng 1: Thống kê dân số và lao động Long An

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Dân số (ngàn người)	1393.4	1405.2	1417.9	1428.2	1436.3	1446.2
Mật độ DS (người/km ²)	310.1	312.7	315.5	317.8	319.6	321.8
Thành thị (ngàn người)	236.6	240.4	244.4	248.0	251.3	255.2
Tỷ lệ %	17.0	17.1	17.2	17.4	17.5	17.6
Nông thôn (ngàn người)	1156.8	1164.8	1173.5	1180.2	1185.0	1191.0
Tỷ lệ %	83.0	82.9	82.8	82.6	82.5	82.4
Lao động (ngàn người)	794.7	n/a	884.7	832.9	845.7	854.4
Tỷ lệ %	57.0	n/a	62.4	58.3	58.9	59.1

Nguồn: Tổng cục thống kê

Toàn bộ cán bộ cấp tỉnh, bao gồm cán bộ UBND, các sở, ban ngành của Tỉnh khoảng 1200 cán bộ. Hình 2 mô tả cụ thể số lượng cán bộ của tỉnh Long An trong 3 năm qua. Trong đó, đa số cán bộ có bằng đại học (chiếm 65-73% tùy theo năm), số cán bộ có bằng sau đại học chỉ chiếm 3-4%.

Hình 2. Đội ngũ cán bộ tỉnh Long An



Nguồn: Báo cáo kinh tế xã hội Long An

Phân theo số năm công tác, có 42% số cán bộ đã công tác được 10 đến 20 năm. Số cán bộ đã công tác được 5-10 năm chiếm 28%.

Qua tọa đàm, chúng tôi đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ của Long An, tuy đã được lãnh đạo Tỉnh quan tâm phát triển nhưng vẫn còn nhiều hạn chế và trong một số lĩnh vực (VD, chăm sóc sức khỏe) vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc.

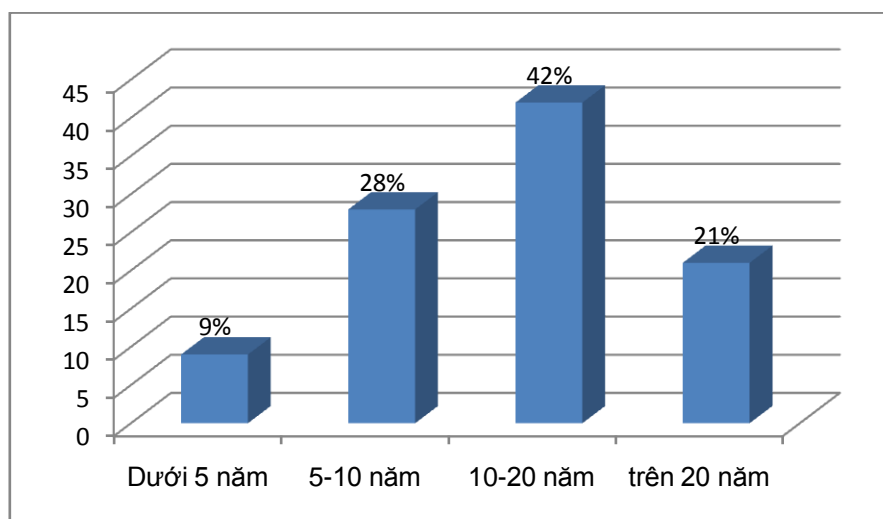
Về khó khăn của Huyện thì Thạnh Hóa là một trong những huyện vùng sâu, gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, mặt bằng dân trí và chất lượng đội ngũ (cán bộ) nhìn chung còn thấp đã tác động lớn đến sử dụng nguồn lực hệ thống chính trị, điều đó đặt ra thách thức cho việc củng cố kiện toàn bộ máy nói chung và cho công tác cán bộ nói riêng, khó khăn thứ hai là đội ngũ cán bộ chưa được đào tạo một cách cơ bản, trình độ học vấn, lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ còn có những mặt hạn chế, trong công tác thì phương châm vừa làm vừa học hỏi rút kinh nghiệm là chủ yếu, bên cạnh đó chính sách khuyến khích cho vùng sâu vùng xa còn nhiều bất cập khiến cho Huyện gặp nhiều khó khăn về thu hút người tài. Song song với những khó khăn thì thuận lợi là đa số cán bộ có tinh thần trách nhiệm, chịu khó, có lối sống giản dị, không ít cán bộ trẻ thể hiện được năng lực của mình, tinh thần đoàn kết, không có chuyện cục bộ, bè phái, (Cán bộ Phòng nội vụ huyện Thạnh Hóa).

Nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị, ở cấp huyện có 181 người, trong đó 75,13 % tốt nghiệp đại học (báo cáo nguồn nhân lực của huyện Thạnh Hóa tại buổi làm việc

ngày 30/12/2011).

.... Nói thêm, về chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu, số cán bộ tốt nghiệp đại học thì được bấy nhiêu đó nhưng rất nhiều trong số đó là học tại chức chứ chính quy cũng ít, đó là cái thứ nhất; thứ hai trong cơ cấu các ngành được đào tạo thì khoa học tự nhiên ít, khoa học xã hội nhiều... nên các ngành kỹ thuật tụi tôi thiếu rất nhiều. Tại sao đào tạo tại chức nhiều là do thực tế khách quan, bây giờ nếu đưa đi học tập trung hết thì ai ở cơ quan mà làm việc, cái nữa là ngân sách hết sức khó khăn, năm 2011 nhu cầu chi cho đào tạo là 700 triệu, tụi tôi bố trí ngân sách hết cỡ cũng được có 350 triệu (lãnh đạo huyện Thanh Hóa)

Hình 3: Số năm công tác của đội ngũ cán bộ Tỉnh (%)



Nguồn: Báo cáo của Tỉnh Long An

Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Long An 2010

Năm 2010, giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn Tỉnh theo giá hiện hành đạt khoảng 33.469 tỷ đồng; theo giá năm 1994 đạt khoảng 12.777 tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm 2009. Trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 5,0%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 19,5%, khu vực dịch vụ tăng 12,1%. Bảng 2 cho thấy tốc độ tăng giá trị tổng sản phẩm bình quân trên địa bàn Tỉnh trong thời kỳ 2001-2010. Có thể thấy tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Long An là khá cao.

Mặc dù giai đoạn 2008-2011 là giai đoạn kinh tế đất nước rơi vào suy thoái nhưng Long An vẫn đạt tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10%/năm.

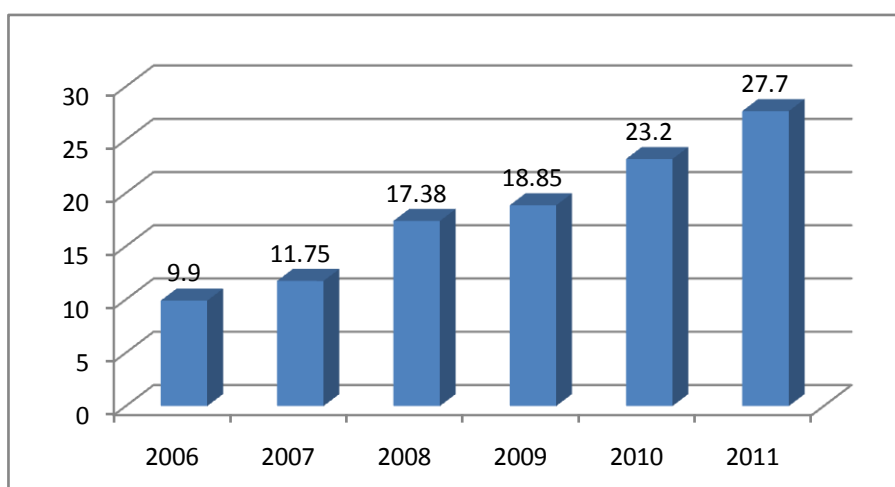
Bảng 2. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước-%		
	2001-2005	2006-2010	Năm 2010
Tổng số	9,4	11,8	12,6
Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6,0	4,2	5,0
Khu vực Công nghiệp và xây dựng	17,1	21,2	19,4
Khu vực Dịch vụ	8,5	11,2	12,1

Nguồn: Thống kê và Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Long An

Theo giá hiện hành đạt, thu nhập bình quân đầu người đã tăng 23,1 triệu đồng/người/năm năm 2010 lên 27,7 triệu đồng/người/năm năm 2011; tương đương 1.113 USD/người/năm (H. 3).

Hình 3: Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)

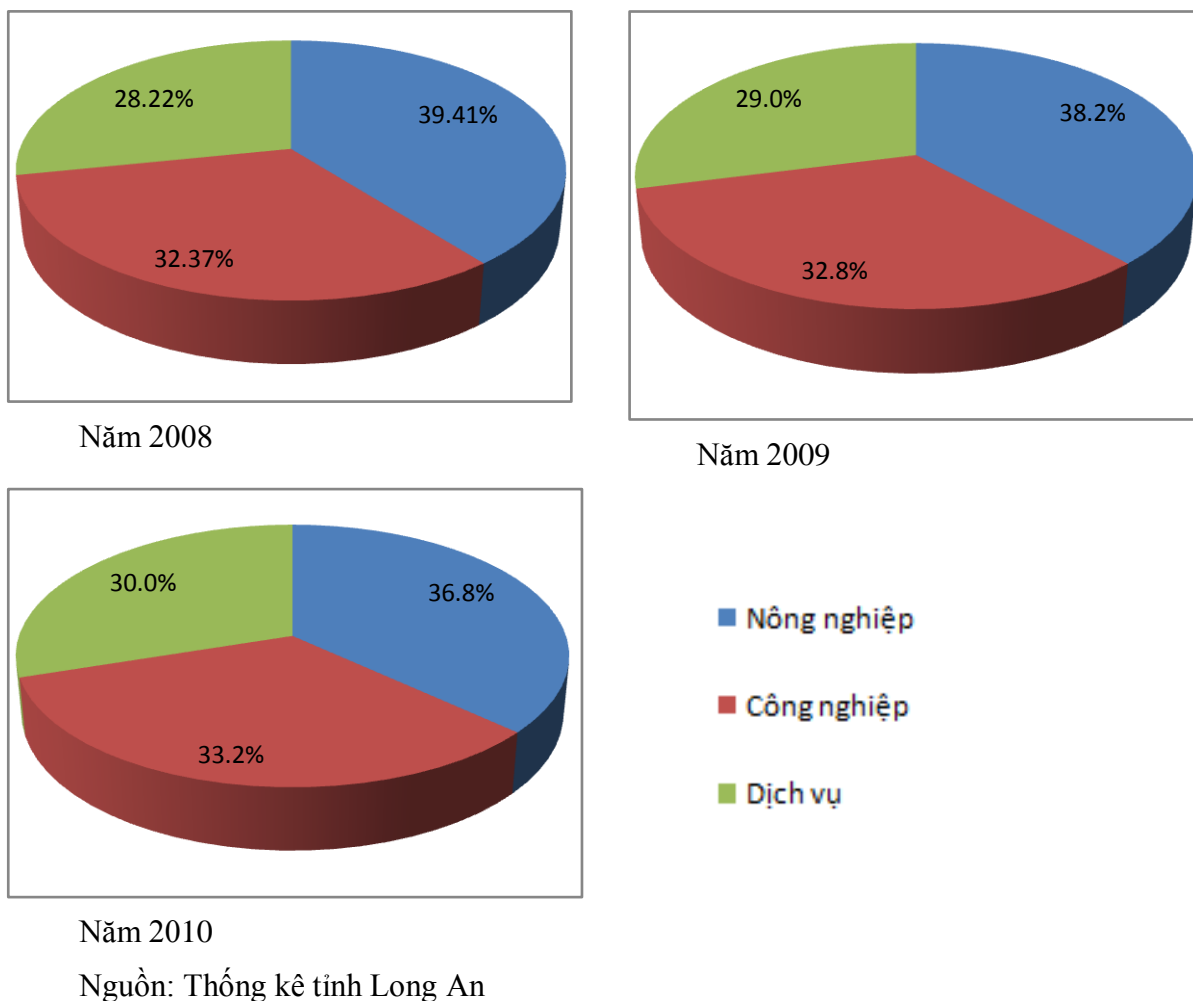


Nguồn: Báo cáo kinh tế-xã hội Long An năm 2011

Hình 4 mô tả cơ cấu kinh tế của Long An trong các năm từ 2009 đến 2011. Qua cơ cấu kinh tế của Tỉnh cho thấy, Long An vẫn là tỉnh sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Tỷ trọng của nông nghiệp trong giá trị tổng sản phẩm trong 3 năm gần đây vẫn ở mức trên 37, cao gấp gần 2 lần so với bình quân cả nước, trong khi công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng tương đương nhau, khoảng 29-30%. Nếu so với quan niệm chung hiện nay là nền kinh tế càng hiện đại thì tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp trong nền kinh tế càng cao thì cơ cấu kinh tế của Long An còn khá lạc hậu so với mức trung bình của cả nước (Cơ cấu GDP của cả nước năm 2010 là nông nghiệp

chiếm 20,6%; công nghiệp chiếm 41,1%, và dịch vụ chiếm 38,3%). Tuy nhiên, điều này hoàn toàn có thể giải thích được do Long An là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, vựa lúa của cả nước, nơi điều kiện địa hình, đất đai phù hợp với phát triển nông nghiệp hơn là phát triển công nghiệp.

Hình 4: Cơ cấu tổng sản phẩm của Tiền Giang



Về giáo dục của Long An

Năm học 2010-2011 toàn Tỉnh có 629 trường, cơ sở giáo dục trong đó có 183 trường mầm non, 247 trường tiểu học, 122 trường trung học cơ sở, 10 trường tiểu học và trung học cơ sở, 12 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, 32 trường trung học phổ thông, 4 trường chuyên nghiệp, 17 trung tâm giáo dục thường xuyên và kỹ thuật-tổng hợp-hướng nghiệp. Ở Long An đã có 162 trường học đạt chuẩn quốc gia (trong đó, mầm non 40 trường, tiểu học 97 trường, trung học cơ sở 20 trường, trung học phổ thông 5 trường) đạt tỷ lệ 26,7%

Về đội ngũ giáo viên: Toàn Tỉnh có 18.700 cán bộ công chức viên chức đang làm trong ngành giáo dục, trong đó có 14.957 giáo viên trực tiếp giảng dạy, bao gồm 1.857 giáo viên mầm non (tương đương 12% đội ngũ nhà giáo); 5.814 giáo viên tiểu học (38,87%) 4.987 giáo viên trung học cơ sở (33,34%); 1.993 giáo viên trung học phổ thông (13,37%), còn lại là giáo viên trung cấp và cao đẳng. Toàn tỉnh có trên 99% giáo viên đạt chuẩn đào tạo.

Bảng 3: Thống kê ngành giáo dục Long An

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Số giáo viên phổ thông (Người)	11143.0	10855.0	11128.0	11559.0	12215.0	12424.0
Số học sinh phổ thông (Người)	253911.0	249123.0	242594.0	235777.0	241219.0	245400.0
Số GVPT/1000 dân	8.0	7.7	7.8	8.1	8.5	8.6
Số GVPT/1000 HS	43.9	43.6	45.9	49.0	50.6	50.6
Số lớp học	7814.0	7705.0	7445.0	7435.0	7517.0	7498.0
Số Trường	401.0	407.0	404.0	408.0	419.0	419.0
HSPT/1000 dân	182.2	177.3	171.1	165.1	167.9	169.7

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Tổng cục thống kê

Về tỷ lệ trẻ em đến trường: Với phương châm “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”, mặt bằng dân trí của Long An trong những năm qua đã có bước phát triển rõ rệt. Tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở vào năm 2007. Đến năm 2010 đã có 187/190 xã, phường, thị trấn có trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo (xem bảng 4)

Bảng 4: Tỷ lệ trẻ em đến trường

Đơn vị: %

Năm	2006	2010
Độ tuổi mẫu giáo	52,4	62
HS tiểu học đúng tuổi	97,2	98,6
HS THCS đúng tuổi	83,2	85

Nguồn: Báo cáo tình hình KT-XH của UBND tỉnh Long An năm 2011

Về thu chi ngân sách

Theo niên giám thống kê tỉnh Long An, tổng thu ngân sách của Tỉnh năm 2010 đạt 4.187,4 tỷ đồng, trong đó 3.302 tỷ đồng thu nội địa, (chiếm 78,8% tổng thu); 348,4 tỷ đồng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (chiếm 8,3%); 536,9 tỷ đồng bổ sung từ ngân sách trung ương (chiếm 12,8 %)

Về chi ngân sách Tỉnh, năm 2010 tổng chi của Long An đạt mức 3.825,5 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 2.716,8 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển là 1.109,3 tỷ đồng, còn lại là các khoản chi khác và tồn quỹ.

Bảng 5: Thu chi ngân sách (tỷ VND)

	2007	2008	2009	2010
Tổng thu	2.372,1	2.865,3	3.845,9	4.187,4
- Thu nội địa	1.650	2.097,6	2.302,3	3.302,2
- Thu từ hoạt động XNK	135,6	145,5	208,9	348,3
- Thu từ NSTW	586,5	622,2	1.334,7	536,9
Tổng chi	2.744,4	3.181,3	4.543,9	3.925,5
- Trong đó chi ĐT & PT	748,2	752,4	913,5	1.109,3
- Chi thường xuyên	1.461,1	1.806,7	2.088,3	2.716,2
- Chi khác	535,1	622,2	1.542,2	n/a

Nguồn: Niên giám thống kê Long An

3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả công tác quản trị và hành chính công

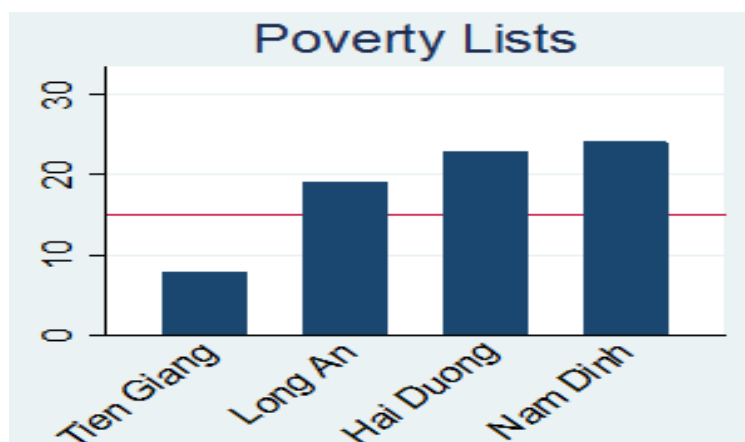
Phần này chúng tôi phân tích những nhân tố “đầu vào” ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công của tỉnh Long An theo các trục nội dung mà PAPI đã nghiên cứu. Trên cơ sở so sánh với Tiền Giang, chúng tôi sẽ đưa ra những lý giải cho vị trí mà Long An được PAPI xếp hạng.

Nội dung thứ nhất: Tính công khai minh bạch (qua lựa chọn danh sách hộ nghèo)

Trong nghiên cứu PAPI, chất lượng thực hiện chính sách XĐGN nằm ở trục nội dung thứ 2 “công khai, minh bạch ở cấp tỉnh”. Nội dung này, PAPI tìm hiểu 3 nội dung thành phần liên quan đến công khai và phổ biến kiến thức về (i) danh sách hộ nghèo, (ii) ngân sách xã, và (iii) kế hoạch sử dụng đất. Với nội dung này, Long An đạt điểm khá cao, đứng thứ 8 trong 30 tỉnh khảo sát. Tuy vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công khai thông tin về danh sách hộ nghèo của Tỉnh. Ở nội dung thành phần này, đánh giá của người dân về mức độ công khai thông tin về danh sách hộ nghèo được thể hiện qua 3 nội chỉ số chính: (i) nhận thức của người dân về chuẩn nghèo; (ii) Đánh giá của người dân về việc công khai danh sách hộ nghèo của chính quyền xã, (iii) nhận thức của người dân về tính chính

xác của danh sách hộ nghèo. So sánh với Tiền Giang, nội dung thành phần này Long An được người dân đánh giá tốt hơn (xem Hình 5).

Hình 5. Đánh giá của người dân về danh sách hộ nghèo



Nguồn: PAPI 2010

Bảng 6 mô tả tỷ lệ hộ nghèo ở Long An từ năm 2006 đến năm 2010. Bảng này cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo ở Long An đã giảm khá nhanh trong giai đoạn quan sát, mỗi năm giảm từ 1 đến 3%. Tỷ lệ hộ nghèo của Long An cũng thấp hơn khoảng 2% so với Tiền Giang và thấp hơn nhiều so với mức bình quân của cả nước. Ví dụ, tỷ lệ hộ nghèo của cả nước năm 2009 là 11% (theo chuẩn cũ) thì ở Long An chỉ có 2,2%. Đáng chú ý, từ năm 2009, Long An đã nâng mức chuẩn nghèo ở thành thị lên cao hơn của cả nước (540.000 so với mức 500.000). Thậm chí, khi tọa đàm tại Phường 2, TP Tân An có ý kiến còn, cần nâng chuẩn nghèo ở thành thị lên mức ngang với lương tối thiểu, vì ở thành thị thì mức 540.000 đồng/người/tháng là quá thấp, không ai có thể sống với mức thu nhập như vậy, và trên thực tế sẽ không có hộ nào nghèo đến mức như vậy.

Bảng 6: Tỷ lệ hộ nghèo ở Long An

Đơn vị: %

	2006	2007	2008	2009	2010
Chuẩn TW (%)	8,83	6,70	3,34	2,20	7,16
Chuẩn của Tỉnh (%)	NA	NA	NA	10,50	7,37

Nguồn: Báo cáo XĐGN của Sở LĐTBXH Long An

Vậy đâu là nguyên nhân dẫn đến thành công này?

Thứ nhất, về cam kết chính trị của các cấp chính quyền. Tại Long An, cam kết chính trị của chính quyền là khá rõ ràng. Tỉnh ủy, UBND, HĐND luôn coi trọng công tác XĐGN, coi đó là nhiệm vụ

quan trọng hàng đầu cần được quan tâm chỉ đạo sát sao. Từ năm 2005, Tỉnh không còn hộ đói nên chính sách “Xóa đói giảm nghèo” ở Tỉnh đã được thay bằng chính sách “Hỗ trợ việc làm và giảm nghèo”. Việc thực hiện chính sách XĐGN luôn được lồng ghép với các chương trình, dự án khác như chương trình phát triển nông thôn, chương trình 135, dự án quốc gia vay vốn ưu đãi cho hộ nghèo, quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, dạy nghề cho LĐ nông thôn và các chính sách ASXH. Cũng như các địa phương khác trong cả nước, ở mỗi cấp chính quyền của Long An, UBND đều thành lập ban chỉ đạo giảm nghèo do một đồng chí Phó chủ tịch ủy ban làm trưởng ban, một đại diện lãnh đạo sở/phòng LĐTBXH làm phó ban, và các thành viên khác là đại diện các sở, ban, ngành liên quan.

Chương trình giảm nghèo giải quyết việc làm là chương trình trọng điểm của Tỉnh, là đột phá của Tỉnh. Chúng tôi có đề án phát triển nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị là chương trình riêng. Chương trình tổng thể phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm là chương trình phát triển nguồn nhân lực xã hội. Từ nay đến năm 2015 phải triển khai đào tạo nghề cho các khu vực kinh tế. Trong 5 năm, chỉ tiêu giải quyết việc làm cho 150 ngàn LĐ, bình quân mỗi năm giải quyết 30 ngàn LĐ, hạ tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 4%, tăng tỷ lệ lao động ở nông thôn lên trên 80% (Ý kiến của lãnh đạo Tỉnh ủy Long An)

Sự cam kết của hệ thống chính trị tỉnh Long An đối với công tác XĐGN giai đoạn 2001 đến nay được thể hiện qua 3 nghị quyết của HĐND tỉnh (NQ số 16/2001/NQ-HĐND ngày 6/7/2001; NQ số 23/2005/NQ-HĐND ngày 29/9/2005; và NQ số 74/2008/NQ-HĐND ngày 7/7/2008) và 7 quyết định của UBND Tỉnh (QĐ số 184/2002/QĐ-UBND ngày 21/01/2002; QĐ số 4303/2005/QĐ-UBND ngày 07/11/2002/QĐ-UBND; QĐ số 4302/2005/QĐ-UBND ngày 07/11/2005; QĐ số 1914/QĐ-UBND ngày 31/7/2006; QĐ số 3020/QĐ-UBND ngày 27/11/2007; QĐ số 16/2008/QĐ-UBND ngày 03/9/2008; QĐ số 26/2008/QĐ-UBND ngày 15/7/2008).

Bên cạnh đó, hàng năm Long An đều tổ chức “ngày vì người nghèo”, “chương trình về nguồn” để gây quỹ do MTTQ Tỉnh tổ chức. Trong năm 2011, quỹ đã quyên góp được hơn 11 tỷ đồng, xây được 364 nhà “đại đoàn kết” cho người nghèo.

Thứ hai, về nguồn nhân lực: Tỉnh đã dành khá nhiều ưu tiên về nhân lực thực hiện công tác XĐGN: Giống như các tỉnh khác mà chúng tôi đi khảo sát, Tại các cấp chính quyền của Long An đều có các ban chỉ đạo chương trình “giải quyết việc làm và giảm nghèo” do một đồng chí phó chủ tịch UBND làm trưởng ban, một đồng chí đại diện sở/phòng LĐTBXH làm phó ban thường trực và lãnh đạo các sở, ban ngành là thành viên.

Ban giảm nghèo-giải quyết việc làm của Huyện có 16 người do đ/c PCT huyện làm trưởng ban, cán bộ LĐTBXH là phó thường trực, ban chấp hành có 6 người..., đại diện tham gia Ban này có các phòng như Phòng nông nghiệp, Phòng tài chính kế hoạch, Phòng giáo dục, Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng y tế, Phòng tư pháp, Phòng thống kê, Phòng nội vụ, Đại diện các đoàn thể. Về trình độ của Ban này, đa số có trình độ ĐH. Về kinh nghiệm công tác trong công tác XDGN, từ 5-10 năm có là 11 người; trên 10 năm có 1; dưới 5 năm là 4 người. Chế độ ưu đãi cho cán bộ làm việc này ở cấp huyện thì không có gì, chủ yếu là kiêm nhiệm. Còn về cấp xã, các xã đều thành lập Ban GN-GQVL tương đương Huyện. Xã khó khăn nhất có 1 cán bộ chuyên trách, các xã khác có cán bộ kiêm nhiệm. Cán bộ chuyên trách ở xã có phụ cấp 540.000 đồng/tháng, cán bộ kiêm nhiệm là 200.000 đồng/tháng (cán bộ Phòng LĐTBXH Huyện Thanh Hóa)

Điểm khác trong đội ngũ cán bộ làm công tác XDGN của Long An là:

- Ở cấp tỉnh có 2 viên chức chuyên trách GQVL-GN thuộc sở LĐTBXH
- Cấp huyện, mỗi huyện có một cán bộ chuyên trách công tác GQVL-GN thuộc Phòng LĐTBXH.
- Cấp xã: Mỗi huyện chọn một xã khó khăn nhất, ở đó bố trí một cán bộ chuyên trách GQVL-GN, các xã còn lại được bố trí một cán bộ kiêm nhiệm.
- Hàng năm Tỉnh đều tiến hành tập huấn cho cán bộ làm công tác GQVL-GN. Trong giai đoạn 2006-2010, ban chỉ đạo GQVL-GN Tỉnh đã tập huấn cho 9.881 lượt cán bộ thuộc Ban GQVL-GN huyện, xã. Cũng trong giai đoạn này, Tỉnh đã liên kết với các cơ sở đào tạo trong Tỉnh mở 3 lớp trung cấp cho 190 cán bộ GQVL-GN cấp xã và hiện đang có một lớp đại học liên thông cho đối tượng cán bộ này.

Thứ tư: Về nguồn lực tài chính. Qua phỏng vấn lãnh đạo các cấp ở Long An chúng tôi nhận thấy có một số khác biệt trong chế độ lương, phụ cấp cho cán bộ GQVL-GN: Với cán bộ tỉnh và huyện được hưởng lương như công chức nhà nước do ngân sách cùng cấp chi trả. Với cán bộ chuyên trách cấp xã được hưởng 540 ngàn đồng/tháng, cán bộ kiêm nhiệm được hưởng 200 ngàn đồng/tháng (Tiền Giang chỉ có cán bộ kiêm nhiệm hưởng trợ cấp 200 ngàn đồng/tháng).

Riêng ngân sách dành cho các hộ nghèo được thực hiện theo quy định chung của Chính phủ. Phần lớn nguồn vốn cho chương trình chương trình GQVL-GN của tỉnh là từ nguồn ngân sách

trung ương. Một phần từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định chung, và một phần nhỏ huy động từ các các tổ chức tín dụng và đặc biệt là quỹ của các hội do hội viên tự đóng góp. Khác với Tiền Giang, tỉnh Long An đã dành ngân sách để hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế cho các hộ cận nghèo. Đối với hộ mới thoát nghèo thì vẫn được hưởng chế độ như hộ nghèo thêm 2 năm nữa.

Thứ năm, về tổ chức thực hiện: Tỉnh đã thực hiện chặt chẽ hướng dẫn về lập danh sách hộ nghèo của Bộ LĐ-TBXH. Hàng năm, vào khoảng tháng 11, ở cấp thôn/tổ dân phố, trưởng thôn/tổ trưởng dân phố phối hợp với đại diện các tổ chức đoàn thể xây dựng danh sách hộ nghèo dựa trên hướng dẫn của Bộ LĐ-TBXH. Tiếp đó, trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân số tổ chức họp dân để đại diện các hộ gia đình thảo luận và thống nhất về danh sách. Nếu hộ nào nhận được từ 50% trở lên đại diện hộ dân đồng tình thì sẽ được nằm trong danh sách hộ nghèo. Danh sách này sẽ được lập thành 2 bản, một bản gửi lên UBND xã/phường để tổng hợp cũng với danh sách của các thôn/tổ dân phố khác và bản được trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân số giữ. Danh sách hộ nghèo của xã/phường sau đó được niêm yết công khai để lấy ý kiến phản hồi. Sau đó, danh sách hộ nghèo được gửi lên UBND huyện/quận để tiếp tục được xem xét kiểm tra. Cuối cùng, huyện/quận tổng hợp toàn bộ danh sách hộ nghèo của cả huyện và gửi lên Tỉnh để duyệt và gửi lên Bộ LĐ-TBXH.

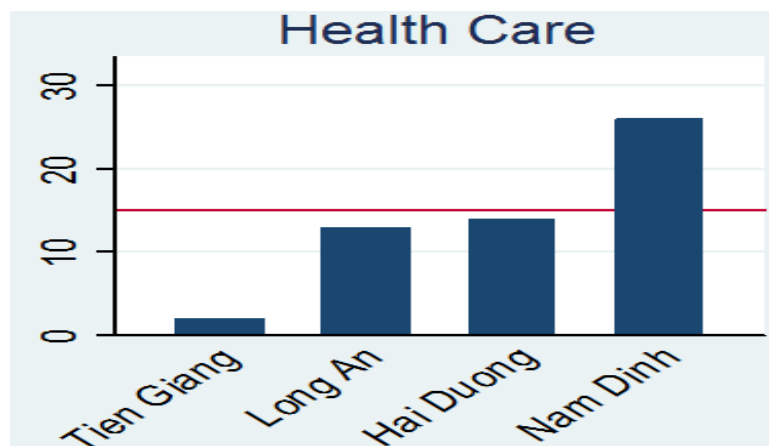
Tóm lại, so sánh với Tiền Giang, nhóm nghiên cứu nhận định, mặc dù điều kiện tự nhiên khá giống với Tiền Giang, số lượng và cơ cấu ban chỉ đạo XĐGN ở các cấp, quy trình bình xét hộ nghèo cũng được thực hiện theo hướng dẫn chung của Bộ LĐ-TBXH nhưng Long An được người dân đánh giá cao hơn về công tác XĐGN là nhờ sự cam kết chính trị mạnh mẽ của chính quyền các cấp đối với công tác này đồng thời Tỉnh cũng đầu tư nhiều hơn về nguồn lực làm công tác XĐGN và tài chính. Cam kết và đầu tư của chính quyền tỉnh Long An thể hiện thông qua việc ban hành và thực thi hàng loạt các chính sách liên quan đến công tác XĐGN, nâng mức chuẩn nghèo của Tỉnh cao hơn mức chung của cả nước, bố trí cán bộ chuyên trách XĐGN cho các xã khó khăn và có chế độ trợ cấp riêng cho cán bộ chuyên trách XĐGN.

Nội dung thứ hai: Chất lượng dịch vụ y tế

Trong nghiên cứu PAPI, chất lượng dịch vụ y tế được nghiên cứu ở trục nội dung thứ 6 “cung ứng dịch vụ công”. Trong đó, PAPI nghiên cứu bốn dịch vụ công chủ yếu đó là lĩnh vực y tế, lĩnh vực giáo dục tiểu học công lập, cơ sở hạ tầng cơ bản và an ninh trật tự. Với nội dung này, Long An được đánh giá khá thấp, đứng thứ 22 trong số 30 tỉnh được PAPI khảo sát.

Trong nghiên cứu này chúng tôi chỉ tập trung khảo những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế công (một trong bốn nội dung mà PAPI nghiên cứu). Với nội dung thành phần này thì Long An vẫn được đánh giá cao hơn Tiền Giang (xem Hình 6).

Hình 6. Đánh giá của người dân về chất lượng dịch vụ y tế



Nguồn: PAPI 2010

Những nhân tố đầu vào của lĩnh vực y tế ở Long An có thể mô tả như sau:

Thứ nhất, về cơ sở vật chất và nguồn tài chính: Đến năm 2010, toàn tỉnh có 211 cơ sở y tế, trong đó có 3 bệnh viện tuyến tỉnh, 3 bệnh viện khu vực, 14 trung tâm y tế, 1 bệnh viện tư nhân với tổng số 3.332 giường bệnh, trong đó có 2440 giường bệnh thuộc các bệnh viện, số còn lại thuộc các phòng khám khu vực, bệnh viện điều dưỡng và các trạm y tế xã/phường. Số giường bệnh tính trên một vạn dân (bao gồm giường bệnh công lập từ phòng khám đa khoa khu vực trở lên, giường y tế tư nhân, phòng khám đa khoa quân dân y, bệnh viện, bệnh xá) đạt mức 23 giường/vạn dân cao hơn so với mức 19,1 giường bệnh/vạn dân của Tiền Giang.

Tại các bệnh viện, trang thiết bị thường do chính quyền trung ương mà đại diện là Bộ y tế cung cấp theo các chương trình mục tiêu. Khi máy móc thiết bị hư hỏng thì bệnh viện tự phải bỏ tiền để sửa chữa.

Tại Long An, ngoài phần viện phí thu theo quy định của Bộ y tế và thu bảo hiểm y tế, năm 2011, các bệnh viện ở Long An được ngân sách Tỉnh chi cho 48 triệu đồng/giường bệnh/năm, thấp hơn so với mức 52 triệu đồng/giường bệnh ở Tiền Giang. Nhưng nếu so sánh số liệu năm 2010 thì mức đầu tư của Long An lại cao hơn so với Tiền Giang (Long An đầu tư 48 triệu thì Tiền Giang chỉ cấp 27 triệu/giường bệnh/năm).

Chi cho y tế năm 2011 thì chi cho sự nghiệp là 333,8 tỷ. So với 2010 có tăng nhưng nếu

so với tỷ lệ lạm phát thì không tăng. (Cán bộ hội đồng nhân dân Tỉnh)

Tuy được đánh giá cao hơn so với Tiền Giang nhưng trong số 30 tỉnh được PAPI khảo sát năm 2010 thì Long An bị đánh giá khá thấp. Nguyên nhân, theo kết quả phỏng vấn lãnh đạo bệnh viện Tỉnh, là do viện phí quá thấp, không thay đổi từ năm 1995 gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh vì càng khám càng lỗ, không có điều kiện tái đầu tư là tình trạng chung của các bệnh viện Long An.

Bang 7: Thống kê ngành y tế Long An

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Số cán bộ dược	326	148	171	203	302	291
Số cán bộ Y	2310	2291	2472	2403	2573	2796
Trong đó BS	567	552	617	578	611	667
Số giường bệnh	2074	2324	2705	2807	2807	3332
Số dược sỹ/vạn dân	2.3	1.1	1.2	1.4	2.1	2.0
Số cán bộ y tá/vạn dân	16.6	16.3	17.4	16.8	17.9	19.3
Trong đó BS/vạn dân	4.1	3.9	4.4	4.0	4.3	4.6
Số giường bệnh/vạn dân	14.9	16.5	19.1	19.7	19.5	23.0

Nguồn: Tổng cục thống kê

Thứ hai, về nguồn nhân lực: Toàn tỉnh có 4.438 cán bộ y tế bao gồm cả những người hoạt động trong các bệnh viện công lập và bệnh viện tư nhân, trong đó có 2796 cán bộ y tế và 291 cán bộ ngành dược thuộc các cơ sở công lập. Với dân số khoảng 1,4 triệu người, Long An có bình quân 19,3 cán bộ y tế và 2 cán bộ ngành dược trên một vạn dân. So với Tiền Giang, số cán bộ y tế/vạn dân của Long An cao hơn nhưng số cán bộ dược/vạn dân lại thấp hơn nhiều (2 so với 4,5). Nếu tính lượng BS trên một vạn dân thì con số này còn thấp hơn nữa, đạt mức 4,6 BS/vạn dân, thấp hơn Tiền Giang (4,8 BS/vạn dân). Tương tự, tỷ lệ BS/giường bệnh ở Long An đạt mức 0,2, trong khi con số này của Tiền Giang là 0,25.

Tình trạng thiếu BS vì thế dẫn đến hiện tượng “quá tải” tại các bệnh viện và do đó người dân có thể phàn nàn về chất lượng dịch vụ y tế ở đây. Tại một bệnh đa khoa của Tỉnh Long An, một BS đã phát biểu: *Trung bình mỗi ngày chúng tôi phải khám cho số bệnh nhân là hơn 2 ngàn rưỡi (2500 bệnh nhân – NPV), trung bình mỗi BS một ngày khám cho 150-200 bệnh nhân, qua đó thời gian BS dành cho BN quá ít... nó liên quan đến vấn đề tư vấn, giải thích rồi tìm hiểu cận kề BN thì rõ ràng (thời gian) không đủ, rõ ràng BN không thể nào hài lòng với BS như thế... thậm chí*

nhều BN nói là họ đã đi khám nhiều lần nhưng chưa bao giờ BS đặt ống nghe vào người họ hay BS đụng đến người họ. Về phía BS, việc khám quá nhiều BN gây áp lực rất lớn, nguy cơ sai sót về chuyên môn rất cao... Thống kê của chúng tôi, mỗi lần một BS tiếp xúc với một BN hết khoảng 3 phút nhưng khám thực sự cho BN chỉ chiếm khoảng 24 giây”.

Thu nhập từ bệnh viện thấp, không đủ trang trải cho cuộc nên nhiều BS phải mở phòng khám riêng tại gia đình: “khoảng 80% BS ở đây có phòng mạch riêng tại gia đình” (một cán bộ trung tâm y tế huyện Thạnh Hóa).

Thứ ba, về cam kết chính trị của lãnh đạo các cấp: Để thu hút bác sỹ về công tác tại Tỉnh, khắc phục tình trạng thiếu bác sỹ, Long An đã có chính sách trợ cấp cho bác sỹ về làm việc ở Địa phương là 170 triệu đồng. Tuy vậy, trong những năm qua, nỗ lực của các cấp chính quyền Long An tỏ ra chưa mang lại kết quả như mong muốn. Tình trạng thiếu bác sỹ ở bệnh viện các tuyến vẫn diễn ra gay gắt.

Thứ tư, về vị trí địa lý: Nằm bên cạnh Thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm kinh tế lớn của cả nước, Long An có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế, giảm nghèo và giải quyết việc làm. Tuy vậy, riêng về xây dựng đội ngũ y bác sỹ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân tại địa phương thì vị trí này lại gây khó khăn nhất định cho Long An. Theo Giám đốc bệnh viện đa khoa Tỉnh thì một trong những nguyên nhân khiến đội ngũ bác sỹ ở Tỉnh thiếu nghiêm trọng, bên cạnh nguyên nhân thu nhập từ bệnh viện thấp, là do Tỉnh nằm gần với TP HCM là trung tâm kinh tế lớn của cả nước nên nhiều sinh viên ngành y khi ra trường đã chọn TP HCM để làm việc để có thu nhập cao hơn.

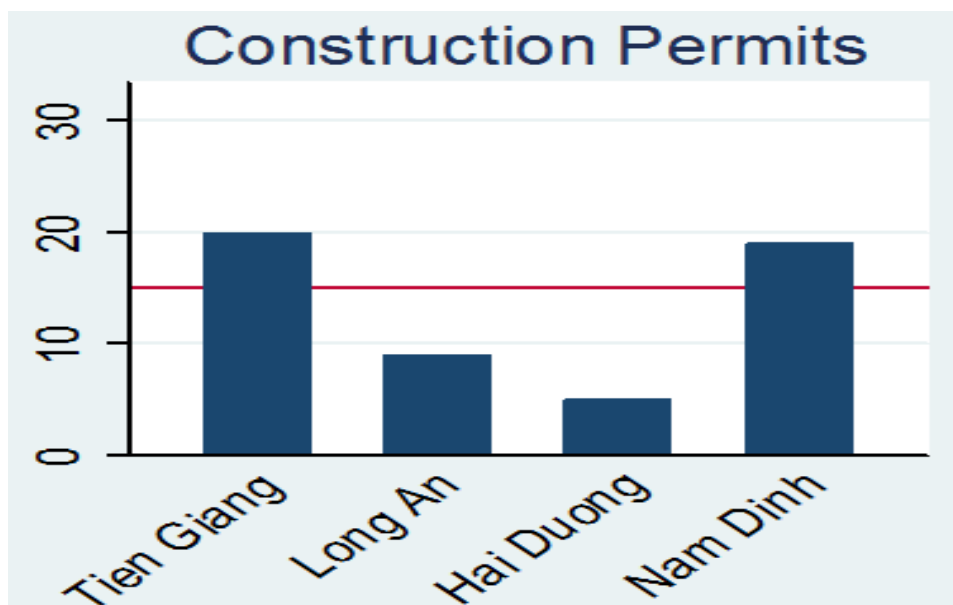
Như vậy qua khảo sát và so sánh giữa Long An và Tiền Giang cho thấy số giường bệnh và số cán bộ y tế trên một vạn dân cao hơn mới là nhân tố chất lượng dịch vụ y tế của Long An tốt hơn chứ không phải số cán bộ được và số BS trên một vạn dân. Bên cạnh đó, đầu tư tài chính cũng có thể là nguyên nhân bởi theo báo cáo của Tỉnh thì năm 2010 Long An được đầu tư nhiều hơn (48 triệu/giường so với 27 triệu/giường). Ngoài ra, có thể vị trí địa lý gần TP HCM, một trung tâm kinh tế lớn phía Nam, của Long An cũng ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế của Tỉnh bởi mặc dù TP HCM đã thu hút một lượng không nhỏ cán bộ y tế của Long An về làm việc nhưng do gần TP HCM nhiều người dân ở Long An có thể đến khám và điều trị trực tiếp tại các bệnh viện TP HCM. Điều này sẽ giúp làm giảm áp lực đối với hệ thống bệnh viện của Long An.

Nội dung thứ ba: Hiệu quả cung ứng thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng.

Trong nghiên cứu PAPI, hiệu quả công tác cấp phép xây dựng được nghiên cứu trong nội dung thứ 5 “hiệu quả cung ứng thủ tục hành chính công”, bao gồm thủ tục công chứng nhà nước, thủ

tục cấp phép xây dựng, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại nội dung này, Long An được xếp hạng rất thấp, đứng thứ 27/30 tỉnh PAPI khảo sát. Trong nghiên cứu này chúng tôi chỉ khảo sát những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thủ tục cấp phép xây dựng. Với nội dung cấp phép xây dựng thì Long An cũng đứng thấp hơn Tiền Giang (xem Hình 7). Vậy đâu là nguyên nhân của tình trạng này?

Hình 7: **Đánh giá của người dân về thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng**



Thứ nhất, về mặt thủ tục: Theo quy định tại Điều 66 của Luật xây dựng năm 2004 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng có quy mô lớn, công trình có kiến trúc đặc thù, công trình tôn giáo và các công trình xây dựng khác thuộc địa giới hành chính do mình quản lý theo quy định của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng trong đô thị, các trung tâm cụm xã thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt, những điểm dân cư theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên trên thực tế tại các tỉnh chúng tôi khảo sát chỉ có Sở xây dựng (được UBND tỉnh ủy quyền) và Phòng xây dựng (được UBND huyện ủy quyền) là các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng. UBND cấp xã không phải là cơ quan cấp phép.

Tại Long An, quy trình cấp phép xây dựng được thực hiện theo đúng quy định của Luật xây dựng. Sở xây dựng và tất các huyện đều đã thực hiện cơ chế một cửa trong việc cấp phép xây

dụng. Tất cả các thủ tục quy trình cấp phép đều đã được công khai trước phòng "một cửa", và thủ tục khá đơn giản.



Công khai thủ tục hành chính cấp phép xây dựng ở Long An (ảnh chụp tại Sở Xây Dựng Long An ngày 29 tháng 12 năm 2011)

Thứ hai, về nguồn lực con người và tài chính : Tại Sở có 6 cán bộ chuyên làm công tác cấp phép xây dựng, mỗi huyện chỉ có một cán bộ làm công tác này. Khi trao đổi lại với lãnh đạo Tỉnh và huyện Thanh hóa thì được biết, do số lượng đơn xin cấp phép xây dựng không nhiều nên số lượng cán bộ như vậy hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu công việc. Tuy thu nhập của cán bộ làm công tác cấp phép xây dựng không cao nhưng đây không phải là nguyên nhân chính dẫn đến chất lượng thủ tục cấp phép thấp do thu nhập thấp là tình trạng chung của tất cả đội ngũ công chức cả nước và trên thực tế cũng rất ít trường hợp nhận được giấy phép xây dựng chậm hơn quy định của Luật xây dựng (là 15 ngày làm việc) nếu hồ sơ đủ và đúng. Tuy nhiên, theo quy định của Luật, trong hồ sơ xin cấp phép xây dựng người dân phải trình a) Đơn xin cấp giấy phép xây dựng; b) Bản vẽ thiết kế xây dựng công trình; và c) Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trong nhiều trường hợp người dân không được cấp phép hoặc phải làm đi làm lại các giấy tờ cần thiết theo quy định, đặc biệt là nhiều trường hợp thiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khiến cho quá trình cấp phép xây dựng bị kéo dài.

Theo chúng tôi có một số nguyên nhân chủ yếu sau ảnh hưởng đến thủ tục hành chính cấp phép xây dựng.

- Đánh giá của người dân về thủ tục cấp phép xây dựng của Long An thấp có thể do khó khăn mà họ trải nghiệm khi xin phép xây dựng không nằm trong khâu cấp phép mà thuộc

các thủ tục khác. VD có thể Long An chưa hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khiến cho việc cấp phép xây dựng gặp khó khăn.

- Thái độ phục vụ của một số cán bộ cấp phép xây dựng chưa đúng mực.

Khi so sánh với Tiền Giang chúng tôi thấy một số điểm tương đồng như sau.

- Cơ quan chịu trách nhiệm cấp phép xây dựng ở cả hai tỉnh đều là sở Xây Dựng và Phòng xây dựng cấp huyện. Cấp xã không thực hiện công việc này.
- Các cơ quan cấp phép xây dựng ở cả hai tỉnh đều đã thực hiện chế độ " một cửa" trong cấp phép xây dựng.
- Các bước tiến hành xin cấp phép và lệ phí xin cấp phép đều giống nhau và thực hiện theo quy định của Luật xây dựng.
- Các thủ tục xin cấp phép xây dựng đều đã được công khai tại phòng giao dịch "một cửa" của cơ quan cấp phép xây dựng
- Cán bộ làm công tác cấp phép xây dựng đều có bằng đại học
- Ngoài số lượng trực tiếp làm công tác cấp phép ở sở xây dựng Long An nhiều gấp đôi so với Tiền Giang (6 so với 3), ở mỗi huyện đều chỉ bố trí một công cán bộ làm việc này.

Một số khác biệt có thể là nguyên nhân khiến Long An bị đánh giá thấp hơn trong chất lượng thủ tục cấp phép xây dựng so với Tiền Giang có thể là

- *Số lượng giấy phép Long An phải cấp nhiều hơn của Tiền Giang. Năm 2011 toàn tỉnh Long An đã cấp 2513 giấy phép, tỉnh Tiền Giang cấp 2096 giấy phép.*
- *Kinh nghiệm công tác của cán bộ làm công tác cấp phép ở Long An thấp hơn của Tiền Giang. Tại Long An có tới 97% cán bộ làm công tác cấp phép có thâm niên công tác dưới 5 năm, trong khi con số này chỉ là 47% ở Tiền Giang.*
- *Có thể thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện công tác cấp phép của Long An chưa tốt bằng ở Tiền Giang. Tại Hải Dương chúng tôi đã nghe về trường hợp cán bộ cấp phép xây dựng của tỉnh bị đui việc do sách nhiễu dân. Khi hồ sơ cấp phép xây dựng của dân chưa đúng với quy định, cán bộ này đã không tận tình hướng dẫn, khiến người dân phải đi lại nhiều lần mà không được cấp phép xây dựng. Tại Long An chưa phát hiện trường hợp cán bộ nào như vậy, nhưng trên thực tế không có gì đảm bảo việc này không xảy ra.*

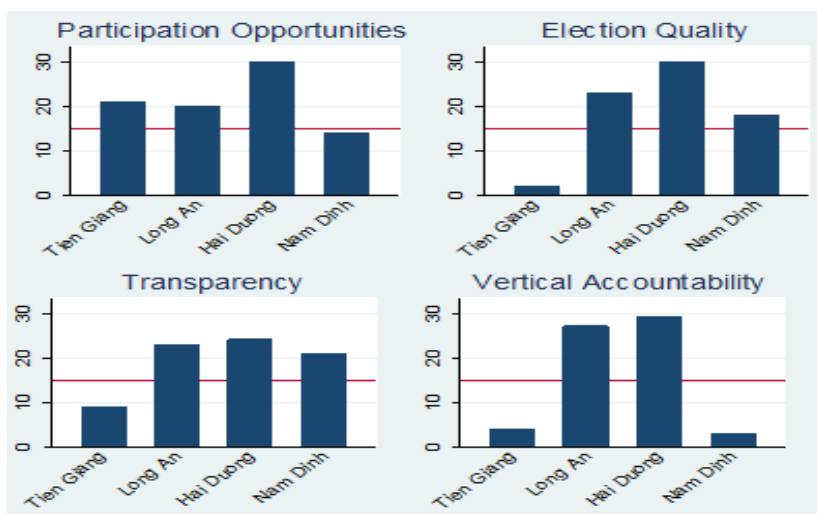
Nội dung thứ tư: thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở

Trong nghiên cứu này chúng tôi chủ yếu tập trung nghiên cứu việc thực hiện “Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường thị trấn” thông qua nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến chất

lượng các cuộc bầu cử trường thôn/ trường khu phố, hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng.

Việc thực hiện “Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” được PAPI nghiên cứu trong 3 nội dung: “sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở”; “Công khai minh bạch”; và “Trách nhiệm giải trình với người dân”. Trong cả 3 trục nội dung này, Long An được đánh giá khá cao, thường nằm trong top 5 các tỉnh thực hiện tốt nhất, ngoại trừ nội dung sự tham gia của người dân là Long An xếp thứ 12 (Hình 8).

Hình 8: Đánh giá của người dân về thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở



Kết quả của trục nội dung này có thể được lý giải bởi các nhân tố “đầu vào” sau đây:

Thứ nhất, về công tác tổ chức và nguồn nhân lực: Tại Long An, hàng năm Tỉnh đều tổ chức hội nghị tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ và triển khai kế hoạch thực hiện của năm sau. Riêng trong năm 2011, Ban chỉ đạo thực hiện pháp lệnh dân chủ của Tỉnh đã tổ chức một lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ thực hiện quy chế dân chủ cho trường ban chỉ đạo thực hiện pháp lệnh dân chủ cơ sở, trường ban giám sát đầu tư công đồng, trường ban thanh tra nhân dân ở cấp xã, phường, thị trấn. Đã có 98 trường ban chỉ đạo quy chế dân chủ và 1429 trường ban giám sát cộng đồng, trường ban thanh tra nhân dân tham dự.

Theo báo cáo của Tỉnh ủy, 100% các khu dân cư, thôn, ấp trong tỉnh đã có Ban thanh tra nhân dân do nhân dân trong khu, ấp tự bầu ra. Ở các xã, phường có các công trình đầu tư theo hình thức “nhà nước và nhân dân cùng làm” thì đều có ban giám sát đầu tư cộng đồng.

Theo kết quả phỏng vấn thì trình độ của các thành viên Ban thanh tra ND không phải là nhân tố quyết định đến chất lượng, hiệu quả của các Ban này, nhân tố quyết định chính là lòng nhiệt tình của các thành viên trong Ban. Với ban giám sát

đầu tư cộng đồng, bên cạnh lòng nhiệt tình của các thành viên, nếu trong ban có người am hiểu về xây dựng sẽ hoạt động tốt hơn.

Thứ hai, về kinh phí cho các ban thanh tra nhân dân và ban giám sát đầu tư cộng đồng: Ở Long An mỗi ban thanh tra nhân dân được nhận 2 triệu đồng/năm do ngân sách xã chi trả. Ban giám sát đầu tư cộng đồng được hưởng phụ cấp tùy theo công trình và trích từ nguồn kinh phí đầu tư công trình để chi trả cho hoạt động của Ban.

Khi làm việc với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, và đại diện các phòng ban của Phường 2, Thành phố Tân An chúng tôi được chi xẻ: Phường có 8 tổ dân phố cuộc bầu cử vừa qua bầu chi 10 triệu (khoảng 1,3 triệu/khu). Như vậy, số tiền chi cho các cuộc bầu cử trưởng thôn trưởng khu phố không phải là lớn nhưng cũng thể hiện sự quan tâm, cam kết chính trị của các cấp chính quyền với việc thực hiện một trong những nội dung của Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở.

So sánh với Tiền Giang, chúng tôi thấy việc thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở của hai Tỉnh là khá tương đồng

- *Lãnh đạo hai Tỉnh đều coi trọng việc thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, hàng năm đều tổ chức hội nghị tổng kết và triển khai kế hoạch thực hiện Pháp lệnh.*
- *Tại tất cả các phường/xã đều đã thành lập Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát công đồng.*
- *Chế độ đãi ngộ cho Ban thanh tra nhân dân đều được hưởng 2 triệu đồng/năm.*
- *Việc thực hiện bầu cử trưởng khu phố, trưởng thôn, ấp đều được tiến hành theo công khai, theo đúng Pháp lệnh dân chủ.*

Như vậy, nguyên nhân khiến Long An luôn được xếp hạng cao hơn Tiền Giang trong thực nội dung này cần được nghiên cứu kỹ hơn để tìm câu trả lời thỏa đáng. Theo nhận định của chúng tôi, nguyên nhân có thể nằm trong khâu tổ chức thực hiện ở Long An tốt hơn, cán bộ của Long An nhiệt tình và gần gũi nhân dân hơn. Điều này được minh chứng qua câu chuyện chúng tôi được chia xẻ khi làm việc ở huyện Thạnh Hóa, có một đồng chí lãnh đạo Huyện thường đi làm bằng xe đạp và có thể dừng lại nói chuyện với người dân bất cứ lúc nào.

4. Một số kết quả nghiên cứu

Phần này chúng tôi sẽ tóm lược lại những nội dung trình bày ở phần 3 để trả lời trực tiếp các câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra tổng phần 1. Đó là (i) Điều kiện tự nhiên, kinh tế chính trị của Tỉnh có ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị công? (ii) Đội ngũ cán bộ (số lượng và chất lượng) ở các cấp chính quyền ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị? (iii) Nguồn lực tài chính dành

cho các cấp chính quyền có ảnh hưởng gì đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh? Và (iv) Chính sách hoặc chương trình nào giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình? Cam kết chính trị của lãnh đạo tỉnh có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh?

Câu hỏi 1: Điều kiện tự nhiên, kinh tế chính trị của Tỉnh có ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị công? Long An và Tiền Giang đều nằm trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Điều kiện tự nhiên của hai Tỉnh khá giống nhau nhưng vị trí địa lý của Long An thuận lợi hơn Tiền Giang. Long An nằm cạnh TP HCM, một trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam, hơn Tiền Giang. Vị trí này này có những tác động trái chiều tới chất lượng quản trị công của Tỉnh. Một mặt, gần một thị trường lớn như TP HCM người dân có điều kiện phát triển kinh tế và hưởng thụ một số dịch vụ công do TP HCM cung cấp. Ví dụ, người dân Long An có thể tận dụng điều kiện thuận lợi về địa lý để tiếp cận với những dịch vụ y tế công có chất lượng cao hơn ở TP HCM, tỷ lệ hộ nghèo ở Long An cũng thấp hơn Tiền Giang. Mặt khác, TP HCM cũng là trung tâm thu hút chất xám của Long An. Qua phỏng vấn cán bộ Long An, một số ý kiến cho rằng, nhiều bác sỹ, cán bộ khoa học, sinh viên tốt nghiệp đại học đã chọn TP HCM là nơi làm việc chứ không về Long An. Điều này có thể dẫn đến chất lượng quản trị công của Long An bị ảnh hưởng.

Câu hỏi 2: Đội ngũ cán bộ (số lượng và chất lượng) ở các cấp chính quyền ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị? Kết quả khảo sát cho thấy số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ có ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng công tác quản trị nhà nước và chính sách công. Số lượng cán bộ y tế và số giường bệnh/vận dân của Long An nhiều hơn Tiền Giang có thể là một trong những nguyên nhân khiến chất lượng dịch vụ y tế của Long An được đánh giá cao hơn. Số lượng cán bộ chuyên trách làm công tác XDGN ở Long An nhiều hơn là một trong những nguyên nhân dẫn đến chất lượng thực hiện chính sách này ở Long An tốt hơn. Bên cạnh đó, kinh nghiệm công tác của đội ngũ cán bộ là nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công. Số lượng cán bộ cấp phép xây dựng của Long An nhiều hơn, nhưng kinh nghiệm công tác ít hơn khiến Long An bị xếp sau Tiền Giang trong việc cấp phép xây dựng.

Câu hỏi 3: Nguồn lực tài chính dành cho các cấp chính quyền có ảnh hưởng gì đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh? Nhìn chung rất khó để đánh giá tác động của nguồn lực tài chính đến chất lượng dịch vụ công và cải cách hành chính công do công chức, viên chức làm việc trong các cấp

chính quyền và đơn vị sự nghiệp ở các tỉnh đều được hưởng chế độ tiền lương chung, như nhau trong cả nước. Tuy nhiên, kết quả khảo sát lĩnh vực dịch vụ y tế cho thấy khá rõ ràng là các nguồn lực tài chính dành cho các cấp chính quyền có ảnh hưởng tới chất lượng quản trị công cấp tỉnh. Đầu tư ngân sách/ giường bệnh của Long An có thể là một nguyên nhân khiến chất lượng y tế của Long An được đánh giá tốt hơn Tiền Giang. Việc đầu tư ngân sách cho một số cán bộ chuyên trách công tác GQVL-GN khiến Long An thu được nhiều thành tựu trong công tác này.

Câu hỏi 4: Chính sách hoặc chương trình nào giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình? Cam kết chính trị của lãnh đạo tỉnh có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh?

Kết quả khảo sát cho thấy, chương trình cải cách hành chính đã giúp các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình. Nhờ thực hiện cải cách hành chính, người dân và các tổ chức đã tiết kiệm được rất nhiều thời gian, công sức và chi phí tiền bạc để thực hiện các thủ tục hành chính. Xã hội nói chung đã tiết kiệm được một nguồn lực lớn để dành cho phát triển. Đội ngũ cán bộ trong các cơ quan nhà nước phải nỗ lực vươn lên để đáp ứng được các yêu cầu của chương trình cải cách hành chính đặt ra. Qua đó, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên và góp phần giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, sự cam kết của các cấp chính quyền có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn đến chất lượng quản trị công. Trường hợp thực hiện chính sách XĐGN có thể minh họa cho nhận định này. Sự cam kết mạnh mẽ của chính quyền các cấp đối với chính sách XĐGN cũng là một yếu tố giúp Long An được đánh giá tốt hơn trong thực hiện chính sách giảm nghèo và giải quyết việc làm.

5. Một số kiến nghị

Tuy nhiên, qua khảo sát ở Long An chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị chính sách như sau.

- Các tỉnh cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giải thích về sự cần thiết và thủ tục cấp phép xây dựng bằng nhiều hình thức khác nhau như đài phát thanh, truyền hình và “phát tờ rơi” đến từng hộ gia đình. Mặc dù ở các tỉnh đã thực hiện chế độ “một cửa” trong công tác cấp phép xây dựng, thủ tục xin phép khá đơn giản nhưng tỷ lệ người dân xin phép xây dựng vẫn thấp do người dân chưa có thói quen và nhiều trường hợp chưa biết phải xin phép xây dựng ở đâu.
- Đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong nhiều trường hợp, thời gian cấp phép xây dựng kéo dài là do người dân chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất vì vậy Nhà nước cần thực hiện nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thay việc cấp phép xây dựng bằng quy hoạch tổng thể và chi tiết của Tỉnh. Nếu mỗi tỉnh, huyện, xã đều có quy hoạch cụ thể khu vực nào được xây dựng và xây dựng thế nào thì người dân có thể tự do xây dựng theo quy hoạch. Chính quyền chỉ tâm trung vào giám sát việc thực hiện quy hoạch của người dân.
- Đầu tư nâng cao chất lượng và khả năng khám chữa bệnh cho bệnh viện tuyến huyện, trung tâm y tế xã. Hiện nay tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến trung ương diễn ra gay gắt, trong khi bệnh viện tuyến huyện và trung tâm y tế xã không được đầu tư thích đáng nên không có khả năng khám chữa bệnh tốt như tuyến trên dẫn đến tình trạng người dân đổ dồn lên khám chữa bệnh ở các bệnh viện tỉnh và trung ương. Nếu nhà nước đầu tư tốt hơn cho các bệnh viện tuyến huyện, xã thì người dân có thể được hưởng dịch vụ y tế tốt ngay tại địa phương, giảm áp lực cho các bệnh viện tuyến trên.
- Cho phép các bác sỹ, dược sỹ mở phòng khám ngoài giờ tham gia khám chữa bệnh theo BHYT. Điều này vừa giúp cán bộ y tế tăng thu nhập, đảm bảo cuộc sống, vừa giảm áp lực cho các bệnh viện công.

Một số vấn đề cần nghiên cứu thêm

- Tại một số địa phương do thực hiện công tác giảm nghèo tốt, do điều kiện tự nhiên thuận lợi... mà tỷ lệ hộ nghèo thấp. Vì vậy, vấn đề nghèo không phải là vấn đề “nóng” tại địa phương và do đó không thu hút được sự quan tâm chú ý của người dân ở đây. Kết quả là khi PAPI điều tra rất có thể người dân sẽ không nắm được những thông tin liên quan đến danh sách hộ nghèo tại địa phương. Trong trường hợp này, PAPI sẽ xếp hạng tỉnh đó ở vị trí thấp, nhưng thực tế lại không phải như vậy.
- Việc bầu chọn danh sách hộ nghèo là do đại diện của các hộ gia đình tham gia họp dân phổ bầu chọn. Các thành viên trong gia đình không thuộc hộ nghèo khi đi họp về rất ít khi chia sẻ thông tin cho các thành viên còn lại trong gia đình nên khi PAPI điều tra gặp các thành viên trong gia đình không tham gia bầu chọn hộ nghèo thì họ sẽ không biết những thông tin liên quan đến danh sách hộ nghèo.
- Khác với các tỉnh phía Bắc, ở các tỉnh phía Nam việc bầu chọn trưởng thôn, ấp, trưởng khu phố diễn ra khó khăn hơn do không ai muốn đảm nhiệm vị trí này. Lý do đưa ra là phụ cấp quá thấp (830 ngàn đồng/tháng) trong khi công việc rất nhiều, tiếp xúc trực tiếp với người dân rất phức tạp. Một khi họ không muốn đảm nhiệm công việc này, do vận động của chính quyền, đoàn thể mà họ miễn cưỡng tham gia thì mức độ nhiệt tình và do đó chất lượng công việc là một vấn đề cần xem xét nghiên cứu.

- Do các hộ thuộc diện nghèo sẽ được hưởng nhiều ưu đãi, trợ cấp của nhà nước nên tại các địa phương thường xuất hiện tâm lý “muốn được nghèo”. Điều này khiến một số hộ thường che giấu thu nhập của mình khi điều tra hộ nghèo, một số gia đình đã tách các thành viên trong gia đình không có thu nhập (VD, bố mẹ già) ra thành hộ riêng để được hưởng chế độ hộ nghèo. Cũng chính vì lý do đó, khi bầu chọn danh sách hộ nghèo, nhiều người đã biểu quyết cho một hộ là hộ nghèo không phải vì hộ đó thật sự nghèo mà vì tình cảm họ hàng, hoặc sợ “mất lòng” với người thuộc diện xem xét nghèo. Điều này dẫn đến những sai lệch rất khó khắc phục trong danh sách hộ nghèo.

Tài liệu tham khảo

- Bệnh viện đa khoa Long An, 2011. “*Báo cáo hoạt động Bệnh viện đa khoa Long An năm 2011*”, thực hiện theo công văn số 826/CV-BTCTU ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Tỉnh ủy Long An
- Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ IX, 2010, “*Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Long An*”, số 09-NQ/ĐH, ngày 20 tháng 10 năm 2010.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Long An, 2011, “*Báo cáo về công tác giám sát tình hình thu-chi ngân sách của Tỉnh*”, số 1179/BC-HĐND, ngày 27 tháng 12 năm 2011.
- HDND tỉnh Long An, Ban Văn hóa-Xã hội, 2011, “*Báo cáo công tác giám sát của Ban Văn hóa-Xã hội HDND tỉnh trên một số lĩnh vực văn hóa – xã hội*”, ngày 27 tháng 12 năm 2011.
- HDND tỉnh Long An, Ban Pháp chế, 2011, “*Báo cáo tình hình thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở*”, ngày 26 tháng 12 năm 2011.
- MTTQ, CECODES & UNDP, 2010. Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2010
- Sở Tài chính Long An, 2011. Báo cáo thực hiện thu chi ngân sách 6 năm 2006-2011
- Sở Y tế Long An, 2011. “*Báo cáo thực trạng đội ngũ y bác sĩ của tỉnh Long An*”, ngày 22 tháng 12 năm 2011.
- Sở Xây dựng Long An, 2011. “*Báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý cấp phép xây dựng năm 2011 trên địa bàn tỉnh long An*”, số 2283/BC-SXD, ngày 28 tháng 12 năm 2011.

- UBND huyện Thạnh Hóa, 2011. “*Báo cáo về thực trạng đội ngũ cán bộ từ năm 2007-2011 của huyện Thạnh Hóa*”, số 273/BC-PNV ngày 27 tháng 12 năm 2011.
- UBND huyện Thạnh ,Hóa, 2011. “*Báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế-xã hội huyện Thạnh Hóa*”, số 189/BC-UBND, ngày 29 tháng 12 năm 2011.
- UBND huyện Thạnh ,Hóa, Phòng Kinh tế & Hạ tầng 2011. “*Báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý cấp phép xây dựng năm 2011*”, số 83/BC-PKT&HT, ngày 27 tháng 12 năm 2011.
- UBND thành phố Tân An, 2011. ”Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2010”, Phụ lục 8 – Biểu số 03. UBND thành phố Tân An, 2011. “*Nội dung tọa đàm với Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh*”. Số 3842/ UBND-TH
- UBND thành phố Tân An, Phòng quản lý đô thị, 2011.”*Nội dung tọa đàm với Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh*”. Số 89 / BC-QLĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2011.
- UBND phường 2, TP. Tân An, 2011, “*Báo cáo kết quả thực hiện chính sách kinh tế-xã hội về các lĩnh vực giải quyết việc làm- giảm nghèo, xây dựng và thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở*”. Số 348/BC-UBND.
- UBND tỉnh Long An, 2011, “*Báo cáo một số nội dung kinh tế-xã hội tỉnh Long An*”, ngày 27 tháng 12 năm 2011.
- UBND tỉnh Long An, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, 2011, “*Báo cáo kết quả thực hiện chính sách kinh tế-xã hội về lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, y tế, xây dựng và thực hiện dân chủ cơ sở*”, số 2412/BC-SLĐTBXH, ngày 26 tháng 12 năm 2011.
- Tỉnh ủy Long An, 2011, “*Báo cáo một số nét cơ bản về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy trên lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo*”, số 57-BC/VPTU, ngày 23 tháng 12 năm 2011.
- Tỉnh ủy Long An, 2011, “*Báo cáo tình hình lãnh đạo công tác thu chi ngân sách của Tỉnh ủy*”, số 58-BC/VPTU, ngày 26 tháng 12 năm 2011.
- Tỉnh ủy Long An, BCĐ thực hiện QCDC cơ sở Tỉnh, 2011, “*Nội dung tham gia tọa đàm với đoàn công tác về kết quả thực hiện Pháp lệnh dân chủ cơ sở*”, ngày 26 tháng 12 năm 2011.
- Tỉnh ủy Long An, Ban tuyên giáo, 2011, “*Báo cáo thực trạng đội ngũ giáo viên ngành giáo dục và đội ngũ y bác sỹ ngành y tế trên địa bàn tỉnh Long An*”, số 113-BC/BTGTU, ngày 29 tháng 12 năm 2011.

- Tỉnh ủy Long An, Ban Tổ chức, 2011, “*Báo cáo thực trạng đội ngũ cán bộ các cấp của Tỉnh*”, số CV/BTCTU, ngày 21 tháng 7 năm 2011.
- Tỉnh ủy Long An, 2011, “*Quyết định ban hành Đề án công tác cán bộ của Tỉnh giai đoạn 2011-2020 và những năm tiếp theo*”, số 279-QĐ/TU, ngày 27 tháng 9 năm 2011.
- Tỉnh ủy Long An, 2011, “*Chương trình phát triển đồng bộ nguồn nhân lực-giải quyết việc làm-giảm nghèo*”, số 11-Ctr/TU, ngày 04 tháng 11 năm 2011. Trung tâm y tế huyện Thạnh Hóa, 2011, “*Báo cáo công tác y tế năm 2011*”, ngày 29 tháng 12 năm 2011